

Bản án số: **15/2025/HS-PT**
Ngày: 24/7/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Phùng Anh Dũng**

 ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đoàn Minh Lộc**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 299/2025/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo **Nguyễn Trung L1** cùng các bị cáo khác về các tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả*”; “*Sản xuất hàng giả*” và “*Buôn bán hàng giả*”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2025/HS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Trung L1** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 04 tháng 10 năm 1981 tại tỉnh Bình Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú và nơi ở: **số G đường N, khu phố F, phường H, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số G đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH I1**; con ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1942 và bà **Tô Thị H**, sinh năm 1952; có vợ **Lê Thị M** và 01 con (sinh năm 2011); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/6/2024; có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Ngọc Q1** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 21 tháng 9 năm 1977 tại Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú và nơi ở: **K L, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh)**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH D2**; con ông **Phạm Ngọc T1**, sinh năm 1944 và bà **Nguyễn**

Thị K, sinh năm 1944; có vợ **Nguyễn Thị Thúy L2** và 02 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/6/2024; có mặt tại phiên tòa.

3. **Phan Xuân N** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 10 tháng 11 năm 1990 tại Hà Tĩnh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú: **thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn H, xã C, tỉnh Hà Tĩnh)**; nơi ở: **K N, khu phố B, phường H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh (nay là K N, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh)**; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: công nhân xưởng in; con ông **Phan Xuân T2**, sinh năm 1945 và bà **Lê Thị V** (đã chết); có vợ **Trần Thị M1** và 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/6/2024; có mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Hà T3** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 17 tháng 11 năm 2001 tại Bà Rịa - Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú và nơi ở: **tổ A, thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là tổ A, thôn H, xã K, Thành phố Hồ Chí Minh)**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông **Lê Văn H1**, sinh năm 1971 và bà **Hà Thị Mỹ H2**, sinh năm 1983; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/6/2024; có mặt tại phiên tòa.

5. **Phạm Thạch Kim Đ** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 29 tháng 10 năm 1985 tại Cần Thơ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nơi thường trú: **330/8/13/28 Quốc lộ A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (nay là 330/8/13/28 Quốc lộ A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)**; nơi ở: **3 đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 3 đường số B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)**; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: kinh doanh; con ông **Phạm Văn L3** (đã chết) và bà **Ninh Thị T4** (sinh năm 1964); có vợ **Nguyễn Thị Kim T5** và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/6/2024; có mặt tại phiên tòa.

6. **Phạm Đức H3** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 07 tháng 11 năm 1973 tại Cần Thơ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nơi thường trú và nơi ở: **số A P, phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là A P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh)**; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông **Phạm Văn K1**, sinh năm 1943 và bà **Vũ Thị L4**, sinh năm 1946; có vợ **Ninh Thị Lệ H4** và 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 16/6/2024; có mặt tại phiên tòa.

7. **Phạm T6** (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 20 tháng 02 năm 1982 tại tỉnh Quảng Ngãi; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú: **số A, đường B, L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (trước sáp nhập)**; nơi ở: **số A L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay**

là số A L, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Phạm N1, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị L5, sinh năm 1947; có vợ Phan Thị Thanh L6 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/10/2024; có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Duy Q (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 09 tháng 10 năm 1982 tại Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú và nơi ở: số A N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là số A N, phường S, thành phố Đà Nẵng); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: buôn bán; con ông Lê Đức V1, sinh năm 1950 và bà Trần Thị C, sinh năm 1955; có vợ Nguyễn Thị Thanh N2 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/6/2024; có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Minh T7 (tên gọi khác: không); giới tính: nam; sinh ngày 11 tháng 3 năm 1988 tại Đà Nẵng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nơi thường trú và nơi ở: số A N, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là số A N, phường S, thành phố Đà Nẵng); trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: lao động phổ thông; con ông Lê Đức V1 (sinh năm 1950) và bà Trần Thị C (sinh năm 1955); có vợ Ngô Đặng Kim N3 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung L1: ông Phạm T8, Luật sư Văn phòng L10, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q (nay là Đoàn Luật sư thành phố Đ) và bà Phạm Thị Minh V2, Luật sư Công ty L11, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; đều vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Hà T3: ông Phạm T8, Luật sư Văn phòng L10, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q (nay là Đoàn Luật sư thành phố Đ); vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Ngọc Q1: ông Lê Văn C1, bà Trần Thị H5, bà Phạm Thị T9, Luật sư Công ty L12, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; bà T9 có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Duy Q và bị cáo Lê Minh T7: ông Nguyễn Tiến T10 và ông Đinh Văn T11, Luật sư Công ty L13, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ; ông T11 có mặt.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng không có kháng cáo; không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 30 phút, ngày 14/6/2024, tại trước **số nhà E, A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**, tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường **Công an thành phố Đ** phối hợp với **N9** tại thành phố Đà Nẵng và **Công an phường A** tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang **Lê Duy Q** và **Lê Minh T7** đang nhận 29 thùng sách giáo khoa gồm 2.955 cuốn sách Tiếng Anh Global của **N9** và sách Tiếng Anh **S** của **Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố H** từ ông **Lê Kim T12** (*Sinh năm 2001; Nơi cư trú: Tổ A, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng - là tài xế lái xe taxi tải T*). Cơ quan chức năng kiểm tra bên trong ngôi nhà, phát hiện, thu giữ thêm 849 cuốn sách Tiếng Anh của **N9** và sách Tiếng Anh **S** của **Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố H**. Toàn bộ số sách giáo khoa thu giữ được **Lê Duy Q** mua của **Phạm Thạch Kim Đ** 3.388 cuốn với tổng giá trị theo giá bìa là 162.921.000 đồng; ngoài ra **Lê Duy Q** khai còn mua của **Trần Ngọc T13** 416 cuốn với tổng giá trị theo giá bìa là 31.002.000 đồng.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 14/6/2024, tại **số nhà G N, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng**, tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường **Công an thành phố Đ** phối hợp với **Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam** tại thành phố Đà Nẵng, **Công ty Cổ phần Đ2** và **Công an phường A** tiến hành kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang **Nguyễn Văn Á** đang có hành vi tàng trữ 1.720 cuốn sách giáo khoa có tổng giá trị theo giá bìa là 90.355.000 đồng gồm sách Tiếng Anh Global của **N9**, sách Tiếng Anh Smart của **Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố H**. Toàn bộ số sách giáo khoa này **Á** mua của **Phạm Thạch Kim Đ** để bán lại nhưng chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện, thu giữ. Quá trình điều tra vụ án đã xác định được như sau:

Công ty TNHH MTV N9 (N9) có địa chỉ trụ sở chính tại **số H T, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội**, được Phòng Đăng ký kinh doanh **Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H** cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0100108543, đăng ký lần đầu ngày 19/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 15/5/2024, ông **Nguyễn Tiến T14** là Tổng Giám đốc, người đại diện pháp luật, chủ sở hữu công ty là **Bộ G1**.

N9 đăng ký ngành nghề kinh doanh chính là in ấn, xuất bản sách. Hoạt động xuất bản sách giáo khoa được thực hiện theo các quy định tại Luật Xuất bản và Quyết định số 647/QĐ-HĐTV ngày 13/11/2017 của **N9** về việc ban hành quy định về quy trình xuất bản sách giáo khoa.

Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố H là đơn vị thuộc **Trường Đại học Sư phạm Thành phố H**. Từ năm 2019 đến năm 2024, **Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố H** hợp tác với **Công ty TNHH E** để tổ chức thực hiện biên soạn, biên tập, phát hành và xuất bản các bộ sách giáo khoa, trong đó có bộ sách Tiếng Anh từ lớp 1 đến lớp 9.

Công ty TNHH E có địa chỉ trụ sở chính tại tầng 1, **tòa nhà V, số F N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**, được Phòng Đăng ký kinh doanh **Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H** cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0316045166, đăng ký lần đầu ngày 02/12/2019 do ông **Võ Đại P** là Tổng

Giám đốc, người đại diện pháp luật. Công ty TNHH E đăng ký ngành nghề kinh doanh chính là buôn bán sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm.

Hoạt động xuất bản được thực hiện theo quy định tại Luật Xuất bản số 19/2012/QH13 ngày 20/11/2012 của Quốc hội.

N9 và Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố H là hai đơn vị thành lập, hoạt động theo quy định của Luật Xuất bản, được Cục Xuất bản, I và Phát hành - Bộ T31 cấp phép thực hiện việc xuất bản, in và phát hành sách giáo khoa. Để chống sách giả, Công ty TNHH MTV N9 sản xuất tem chống giả có nội dung ghi “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” để dán vào các loại sách giáo khoa của N9; Công ty TNHH E sản xuất tem chống giả có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” để dán vào các loại sách giáo khoa của Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố H.

Công ty TNHH I1 (Sau đây gọi tắt là Công ty I1) có địa chỉ trụ sở chính tại G N, phường H, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh, được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0317030204, đăng ký lần đầu ngày 15/11/2021, do Nguyễn Trung L1 là Giám đốc, người đại diện pháp luật, đồng thời là chủ sở hữu công ty. Công ty I1 đăng ký ngành nghề kinh doanh chính là in ấn, dịch vụ liên quan đến in, sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

Công ty TNHH MTV D2 (Sau đây gọi tắt là Công ty D2) có địa chỉ trụ sở chính tại 1 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0309216974, đăng ký lần đầu ngày 09/7/2009, do Phạm Ngọc Q1 là Giám đốc, người đại diện pháp luật, đồng thời là chủ sở hữu công ty. Công ty D2 đăng ký ngành nghề kinh doanh chính là in ấn, được phép hoạt động in xuất bản phẩm theo giấy phép hoạt động in số 49/GP-STTTT ngày 23/9/2016 của Sở Thông tin và Truyền thông thành phố H.

Công ty TNHH S2 (Sau đây gọi tắt là Công ty S2) có địa chỉ trụ sở chính tại 3 N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0311089508, đăng ký lần đầu ngày 23/8/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07/7/2023, do Trần Huy C2 là Giám đốc, người đại diện pháp luật. Công ty S2 đăng ký ngành nghề kinh doanh chính là in ấn, dịch vụ liên quan đến in nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. Công ty đăng ký vốn điều lệ 1.000.000.000 đồng, có 04 thành viên góp vốn gồm Nguyễn Thị Thúy L2 (Nơi cư trú: Số A L, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, là vợ Phạm Ngọc Q1, chiếm 50%), Trần Huy C2 (chiếm 25%), Vũ Thị Lan H6 (Nơi cư trú: 1 N, Phường G, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, chiếm 20%), Trần Văn Đại K2 (Nơi cư trú: 134/99/15 khu phố A, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh chiếm 5%). Tuy nhiên, trên thực tế công ty thuộc sở hữu của Phạm Ngọc Q1, bà Nguyễn Thị Thúy L2 chỉ đứng tên giúp phần vốn góp cho Q1, các thành viên Vũ Thị Lan H6, Trần Văn Đại K2 đã rút vốn, chỉ còn đứng tên

trên giấy tờ. **Trần Huy C2** là giám đốc, đại diện pháp luật nhưng trên thực tế **Công ty S2** hoạt động dưới sự chỉ đạo, điều hành của **Phạm Ngọc Q1**.

Công ty D2, **Công ty I1** và **Công ty S2** không được **N9**, **Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố H** ký kết hợp đồng để thực hiện chế bản, in ấn, gia công hoàn thiện sách giáo khoa theo quy định.

Công ty D2 có xưởng in và dây chuyền in offset gồm 05 chiếc máy in đặt tại các địa chỉ số **A L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh** (**Q1** thuê xưởng của bà **Nguyễn Thị Lan H7**, trú: **Số A L, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh**) và số **48, đường số E, Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh** (**Q1** thuê xưởng của ông **Trần Đức T15** trú: **564/2/1 T, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**), hoạt động kinh doanh in xuất bản phẩm, bao bì từ năm 2016.

Công ty I1 kinh doanh gia công giấy, lịch, sách từ năm 2021. Khoảng tháng 6/2022, do Công ty làm ăn thua lỗ, **Nguyễn Trung L1** nhận thấy các loại sách giáo khoa của **N9** và **Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố H** đang bán chạy trên thị trường, có khả năng sinh lợi cao nên khi thấy **Phạm Ngọc Q1** có sẵn dây chuyền in offset, Luật đã thỏa thuận thống nhất với **Q1** về việc đặt **Công ty D2** in sách giáo khoa giả của các nhà xuất bản này để Luật bán ra thị trường.

Nguyễn Trung L1 mua sắm các loại máy móc như máy cắt giấy, máy xếp giấy, máy dán keo, máy may chỉ, máy đóng kim, xe nâng và thuê nhà xưởng của bà **Phạm Thị H8** (Nơi cư trú: **Số B, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**) tại địa chỉ **256/33/4 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** làm cơ sở gia công sách giả. **Nguyễn Trung L1** dựng kho tạm tại địa chỉ số **B đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**, thuê kho của ông **Lê Thanh T16** (Nơi cư trú: **Số B, khu phố B, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh**) tại địa chỉ **661/12/3/4 H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** và kho của ông **Lâm Ngọc T17** (Nơi cư trú: **Số F L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**) tại địa chỉ **2 đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** làm nơi cất giấu sách giả thành phẩm.

Khi cần loại sách giả nào, Luật thông báo với **Q1** số lượng cần in, mua giấy in rồi đưa đến hai xưởng in của **Q1** thuê tổ chức việc in ấn. **Phạm Ngọc Q1** chịu chi phí mực in, máy móc, nhân công, đơn giá in Luật trả cho **Q1** là 270.000 đồng/ram giấy in 04 màu khổ 60cm x 84 cm, 160.000 đồng/ram giấy in 02 màu khổ 60cm x 84 cm.

Phạm Ngọc Q1 thuê **Phan Xuân N** cùng một số công nhân khác gồm **Đặng Thế N4** (Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**), **Mai Xuân C3** (Nơi cư trú: **Xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An**), **Nguyễn Văn L7** (Nơi cư trú: **Thôn D, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk**), **Hoàng Anh T18** (Nơi cư trú: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**), **Lê Công N5** (Nơi cư trú: **Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh**) vận hành máy móc, thiết bị tại xưởng in; trong đó **Phan Xuân N** là người được **Phạm Ngọc Q1** giao quản lý, điều hành toàn bộ công việc tại xưởng in, trả lương 15.000.000 đồng/tháng.

Phạm Ngọc Q1 giao cho Trần Huy C2 làm bản kẽm để in sách giả, C2 được Q1 trả lương 8.000.000 đồng/tháng. Khi Luật gửi mẫu sách, C2 sẽ scan sách thành file, chỉnh sửa file, chạy bản kẽm rồi đặt giao hàng đưa đến xưởng in cho N. Sau khi nhận bản kẽm, N cho in số lượng sách giả như đã trao đổi, thống nhất với Luật. Khi bản kẽm bị hư hỏng thì N liên hệ trực tiếp với C2 để làm bản kẽm mới thay thế. Trong quá trình in sách giả, N lập sổ ghi chép, theo dõi số lượng bản in để cho Q1 đối chiếu công nợ.

Sau khi Q1 in sách xong, Luật vận chuyển các bản in bán thành phẩm về xưởng gia công của mình tại số B, đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh rồi thuê các công nhân thời vụ, trong số đó có Nguyễn Chí V3 (Nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ), Y Ê Vương D (Nơi cư trú: Buôn D, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk), Y Thuyên B (Nơi cư trú: Buôn D, xã Y, huyện L, tỉnh Đắk Lắk), Trần Hữu L8 (Nơi cư trú: Tò dân phố E, thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng) để thực hiện các công đoạn cắt, xếp giấy, đóng bìa, dán tem sách thành sách thành phẩm.

Nguyễn Trung L1 giao cho Lê Hà T3 xe ô tô 16 chỗ, nhãn hiệu M4, BKS 51B-058.55 (xe ô tô đăng ký đứng tên Lê Thị M là vợ của Nguyễn Trung L1) để vận chuyển sách giả thành phẩm đến cất giấu tại các kho của Luật, quản lý kho, xuất hàng, giao hàng cho khách, Luật trả lương cho T3 9.000.000 đồng/tháng.

Vào năm 2022, 2023, thông qua mạng xã hội, Luật liên hệ với một đối tượng không rõ lý lịch, địa chỉ để mua tem sách giả, đến khoảng cuối năm 2023, do không liên hệ được với đối tượng trước đây thường mua tem sách giả nên Luật nhờ Q1 và N mua giúp. Thông qua giới thiệu của Huỳnh Du K3 (Nơi cư trú: 50/41/16 N, khu phố D, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh), N liên hệ với một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) mua giúp cho Luật khoảng 600.000 chiếc tem sách giả với giá khoảng 60.000.000 đồng. Sau khi mua được tem giả, Luật cho N 3.000.000 đồng.

Về tiền công in sách giả, Luật thường trả trước cho Phạm Ngọc Q1 một phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, đến cuối vụ sách (khoảng tháng 9, tháng 10 hằng năm) thì Luật với Q1 mới đối chiếu, thanh toán hết công nợ. Vào năm 2024, do bị phát hiện, bắt giữ nên Luật chưa thanh toán tiền in sách giả cho Q1, hiện Luật còn nợ Q1 số tiền khoảng 3.000.000.000 đồng.

Từ tháng 01/2024 đến ngày 15/6/2024, Nguyễn Trung L1 cùng Phạm Ngọc Q1 đã sản xuất được 1.648.737 cuốn sách giáo khoa giả thành phẩm có tổng giá trị theo giá in trên bìa là 51.186.241.500 đồng và 347.220 bản in bán thành phẩm, chưa gia công hoàn thiện các loại của N9, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố H.

Để tiêu thụ sách giả, khoảng tháng 6/2022, Luật liên hệ với Phạm Thạch Kim Đ, thỏa thuận thống nhất bán cho Đ sách giáo khoa giả N9 và Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm thành phố H với giá có mức chiết khấu từ 65% đến 69% so với giá bìa. Số sách mua của L1 được Đ bán lại cho khách với mức chiết khấu từ 62% đến 65% so với giá bìa, hưởng lợi khoảng 3% - 4% trên mỗi cuốn sách giả. Về phương thức thanh toán tiền hàng, Đ thường trả trước cho Luật một phần tiền, đến

cuối vụ sách thì mới đổi chiều, thanh toán hết công nợ. Việc thanh toán được Đ thực hiện bằng hình thức đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản. Tại thời điểm bị phát hiện bắt giữ vào tháng 6/2024, do chưa đến cuối vụ sách nên Đ chưa thanh toán hết tiền mua sách giả cho L1, Đ còn nợ Luật khoảng 5.000.000.000 đồng.

Phạm Thạch Kim Đ giao cho Phạm Đức H3 quản lý việc đặt hàng, nhận hàng, phân phối, tiêu thụ sách giả, trả lương 8.000.000 đồng/tháng. Theo chỉ đạo của Đ, khi có nhu cầu, H3 liên hệ với Lê Hà T3 để đặt hàng và nhận hàng. Việc giao nhận hàng được T3 lập sổ theo dõi và hai bên ký xác nhận vào đơn hàng. Điều thuê Nguyễn Văn T19, là tài xế chở hàng thuê, điều khiển xe ô tô 16 chỗ, nhãn hiệu Mercedes Sprinter, BKS 51B-052.42 của T19 để vận chuyển sách giả đến các nhà xe, gửi đi tiêu thụ, tiền cước vận chuyển Đ trả theo chuyến với giá là 400.000 đồng đối với chuyến có khoảng cách dưới 10km và 20.000 đồng/km đối với chuyến có khoảng cách trên 10km.

Từ tháng 3/2024 đến tháng 6/2024, Phạm Thạch Kim Đ đã mua của Nguyễn Trung L1 tổng cộng 251 đơn hàng, tổng cộng 1.176.744 cuốn sách giáo khoa giả các loại, có tổng giá trị tính theo giá in trên bìa là 37.683.987.000 đồng. Số sách này được Đ đăng thông tin chào bán trên mạng internet.

Vào tháng 3/2024, Đ liên hệ chào bán sách giáo khoa giả cho Lê Duy Q với giá chiết khấu từ 58% - 62% so với giá bìa. Từ tháng 5/2024 đến tháng 6/2024, Lê Duy Q đã đặt mua của Đ 09 đơn hàng, tổng cộng 19.804 cuốn sách giáo khoa giả các loại với tổng giá trị tính theo giá in trên bìa là 632.190.000 đồng, giá mua bán thực tế sau khi trừ chiết khấu là 270.151.950 đồng. Q đã chuyển khoản thanh toán cho Đ 210.403.000 đồng, còn nợ 59.748.950 đồng.

Ngoài việc mua sách giả từ Phạm Thạch Kim Đ, vào ngày 12/6/2024, Lê Duy Q còn đặt mua của Trần Ngọc T13 04 thùng sách gồm 416 cuốn sách giáo khoa giả là sách Tiếng Anh S 6, Tiếng Anh Smart 7 của Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm thành phố H với giá chiết khấu 45.000 đồng/bộ (giá bìa là 146.000 đồng/bộ và 150.000 đồng/bộ), tổng giá trị số sách giả theo giá in trên bìa là 31.002.000 đồng, giá trị thanh toán thực tế hai bên thỏa thuận sau khi chiết khấu là 9.550.000 đồng nhưng Q chưa thanh toán tiền cho T13. Ngày 12/6/2024, do nguồn hàng sách Tiếng Anh S đang khan hiếm, T13 lên mạng xã hội, liên hệ với một đối tượng không rõ lý lịch, địa chỉ qua trang mạng facebook có tên “intar book” mua số sách Tiếng Anh S giả nêu trên bán cho Lê Duy Q thì bị phát hiện, thu giữ.

Lê Duy Q thuê em ruột của mình là Lê Minh T7 giúp thực hiện việc kiểm đếm, nhận sách giả, vận chuyển mang đi bán, trả lương cho T7 7.000.000 đồng/tháng. Q bán lại sách giả cho các nhà sách, cửa hàng văn phòng phẩm với giá bán giá chiết khấu từ 35% - 40% so với giá bìa, hưởng lợi khoảng 10% trên mỗi cuốn sách. Các nhà sách đã mua sách giáo khoa giả của Q gồm: Nhà sách Q2 của bà Trịnh Thị Kim T20 (Địa chỉ: Số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng), nhà sách Trí Việt của bà Nguyễn Thị T21 (Địa chỉ: Số I T, quận T, thành phố Đà Nẵng), nhà sách Tuyệt của ông Trần Văn H9 (Địa chỉ: Số B T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng), nhà sách Quân Trí của bà Hoàng Thị Thu Đ1

(Địa chỉ: Số F P, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng), nhà sách Bông của bà Phạm Thị Lệ H10 (Địa chỉ: Số C T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng), nhà sách Quỳnh Giao của bà Hoàng Thị G (Địa chỉ: Số D L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng), nhà sách M của bà Nguyễn Thị M2 (Địa chỉ: Số A Yên Bái, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng), nhà sách N10 của bà Nguyễn Thùy V4 (Địa chỉ: Số B N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng), nhà sách B3 của bà Dương Thị T22 (Địa chỉ: Số D N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng), nhà sách P3 của bà Trần Thị Bích T23 (Địa chỉ: Số C K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng), nhà sách H11 của ông Đặng C4 (Địa chỉ: Số F N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam), nhà sách 50 P của ông Lê Đông T24 (Địa chỉ: Số E T, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam), nhà sách Y của bà Võ Thị Yến P1 (Địa chỉ: Khu phố C, Thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam), nhà sách P4 của bà Võ Thị T25 (Địa chỉ: Số D T, phường Đ, Thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam), nhà sách D3 của bà Nguyễn Thị B1 (Địa chỉ: Số G H, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum) và một số khách hàng khác Q không nhớ rõ địa chỉ.

Vào khoảng tháng 5/2023, Phạm Thạch Kim Đ chào bán sách giáo khoa giả cho Nguyễn Văn Á với giá chiết khấu từ 60% - 62% so với giá bìa. Khoảng từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024, Nguyễn Văn Á đã mua của Đ 6 đơn hàng với tổng cộng 4795 cuốn sách giáo khoa giả các loại với tổng giá trị tính theo giá in trên bìa là 302.545.000 đồng, giá trị mua bán thực tế hai bên thỏa thuận với nhau là 103.753.000 đồng, Á đã thanh toán cho Đ 50.000.000 đồng, còn nợ 53.753.000 đồng. Ánh bán lại sách giả cho các nhà sách, cửa hàng văn phòng phẩm với giá bán giá chiết khấu từ 50% so với giá bìa, hưởng lợi khoảng 10% trên mỗi cuốn sách. Các nhà sách đã mua sách giáo khoa giả của Á gồm: Nhà sách Bảo Ngân của bà Hồ Thị H12 (Địa chỉ: Số A N, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng), nhà sách H13 của bà Nguyễn Thị Hồng A (Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng), nhà sách N11 của bà Nguyễn Thị Ngọc L9 (Địa chỉ: Tổ C, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng), nhà sách T32 của bà Đinh Thị Tuyết M3 (Địa chỉ: Số B N, quận S, thành phố Đà Nẵng), văn phòng phẩm G của bà Phan Thị C5 (Địa chỉ: Số G T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng), văn phòng P5 của bà Trần Thị Thúy N6 (Địa chỉ: Số B T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng) và một số khách hàng khác Ánh không nhớ rõ địa chỉ.

Phạm Tin mở nhà sách K4, kinh doanh tại các địa chỉ A L, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà sách tại địa chỉ số E đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng tháng 12/2022, Nguyễn Trung L1 trao đổi thống nhất với Phạm T6 về việc Luật bán sách giáo khoa giả N9 và Nhà xuất bản Đại học Sư phạm thành phố H cho Tin với giá chiết khấu từ 60% - 65% so với giá bìa. Tin mua sách giả của Luật để bán lẻ tại các nhà sách của mình với mức chiết khấu từ 50% - 55% so với giá bìa, hưởng lợi khoảng được 10% trên mỗi cuốn sách giả.

Phạm Tin thuê Huỳnh Văn D1 (Sinh năm 1989; Nơi cư trú: A (03.50) chung cư L, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) trông coi cửa hàng sách. Khi Tin bận việc thì có nhờ Huỳnh Văn D1 và vợ là Phan Thị Thanh L6 (Sinh năm 1986; Nơi cư trú: Số A, đường B L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh) nhận

sách do **Lê Hà T3** giao đến, các lần nhận hàng hai bên đều ký xác nhận giao nhận vào sổ hóa đơn bán hàng do **Lê Hà T3** lập, quản lý.

Từ tháng 4/2024 đến tháng 6/2024, **Phạm T6** đã mua của **Nguyễn Trung L1** 17 đơn hàng, tổng cộng 86.274 cuốn sách giáo khoa giả các loại với tổng giá trị tính theo giá bìa là 3.059.573.000 đồng, giá trị thanh toán thực tế sau khi trừ chiết khấu là khoảng 1.223.829.220 đồng. Phạm Tin thanh toán bằng hình thức đưa tiền mặt cho Luật sau khi nhận hàng, ngoài ra có một số lần Tin nhờ vợ chuyển khoản thanh toán cho Luật qua tài khoản ngân hàng của **Lê Hà T3**.

Ngày 09/7/2024, **N9** có Công văn số 1391/NXBGDVT “V/v phúc đáp Công văn số 3542/CSKT-DD5 ngày 22/6/2024” của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ**, nội dung xác định số tang vật là sách giáo khoa tiếp nhận từ Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** đều là sách giả, không phải do **N9** sản xuất, in ấn và phát hành. Đồng thời, Nhà xuất bản Giáo dục cung cấp 02 bộ mẫu hợp đồng nguyên tắc về in, phát hành và các tài liệu liên quan đến việc triển khai in sách.

Ngày 21/6/2024, **N9** tại thành phố Đà Nẵng có Công văn số 147/CV-NXBGDDN trả lời các nội dung có liên quan, xác định:

- Về quy trình, quy định liên quan đến in, xuất bản và phát hành xuất bản phẩm của Nhà xuất bản Giáo dục:

- + Công đoạn xuất bản: Sau khi có đề cương bản thảo xuất bản phẩm, Nhà xuất bản Giáo dục thực hiện đăng ký xuất bản với **Cục X** và Phát hành, **Bộ T31** (tên đề tài, số lượng bản in dự kiến in...). **Cục X** và Phát hành, **Bộ T31** là đơn vị quản lý nhà nước trong công tác cấp phép xuất bản.

N9 tổ chức biên tập, thiết kế, chế bản thảo, hình thành bản mẫu sau khi bản mẫu được phê duyệt về nội dung và hình thức (có chữ ký phê duyệt của lãnh đạo). Lập hồ sơ bản thảo giao in, gồm: Bản thảo mẫu, chế bản (phim hoặc file), quyết định xuất bản, hợp đồng in, tem chống giả tới các đơn vị in. Đối với sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách giáo viên: **N9** trực tiếp thực hiện. Đối với sách tham khảo, sách tiếng Anh: Các đơn vị thành viên tổ chức bản thảo thực hiện theo ủy quyền của **N9** và tuân thủ Luật Xuất bản.

- + Công đoạn in:

Đối với sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách giáo viên: Các nhà in tiếp nhận hồ sơ từ **N9** (hồ sơ bắt buộc) bao gồm: Hồ sơ bản thảo, quyết định xuất bản, hợp đồng in, file chế bản và tem chống giả do **N9** cung cấp để triển khai. Các nhà in sẽ triển khai in và bàn giao về **N9** thông qua Nhà xuất bản giáo dục tại các miền.

Đối với sách tham khảo, sách tiếng Anh: Cũng tương tự như hồ sơ pháp lý liên quan đến sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách giáo viên. Các nhà in nhận trực tiếp hồ sơ từ các đơn vị thành viên tổ chức bản thảo của **N9**. Các nhà in sẽ triển khai in và bàn giao về kho của các công ty thành viên đặt in.

- + Công đoạn phát hành: Xuất bản phẩm (sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách giáo viên và sách tham khảo, sách tiếng Anh) được nộp lưu chiểu đến các cơ quan

nhà nước có thẩm quyền theo quy định và N9. N9 thực hiện cấp quyết định phát hành cho xuất bản phẩm theo Luật Xuất bản, sau đó tổ chức cung ứng đến các đối tác để phát hành ra thị trường.

- Về quy trình sản xuất tem chống giả của N9: Tuân theo Quyết định 320/QĐ-HĐTV ngày 30/6/2020, Quyết định về việc ban hành Quy định sử dụng, quản lý tem chống giả của Công ty TNHH MTV N9 kèm theo Quy định quản lý, sử dụng tem chống giả của Công ty TNHH MTV N9.

- Công ty TNHH MTV D2, mã số doanh nghiệp C9 địa chỉ trụ sở tại 1 L, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Phạm Ngọc Q1 là người đại diện theo pháp luật; Công ty TNHH I1, mã số doanh nghiệp C10, địa chỉ trụ sở tại số G N, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Trung L1 làm đại diện không phải là đối tác được N9 ký kết, thực hiện hợp đồng in ấn, gia công, hoàn thiện xuất bản phẩm sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách giáo viên.

- Nhà xuất bản cung cấp toàn bộ mẫu tem chống giả đang sử dụng và đang được sử dụng từ năm 2020 đến nay cho Cơ quan điều tra.

Ngày 08/7/2024, Công ty TNHH E có Công văn số 191/2024/ESVN-CV cung cấp các nội dung liên quan gồm: “Quy trình xin phép xuất bản”, “Quy trình ký bài in” và “Quy trình kiểm tra file in” được lưu hành nội bộ của Công ty E1; một số đặc điểm cơ bản phân biệt sách thật – sách in trái phép, mô tả quy cách tem chống giả và hướng dẫn sử dụng tem chống giả của Công ty E1.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ có Quyết định trưng cầu giám định số 2320/QĐ-CSKT-Đ5 ngày 21/6/2024 trưng cầu Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định đối với:

- N9 dán tại vị trí phần bìa sau 28 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 14/6/2024) được thu giữ của đối tượng Lê Duy Q tại nhà số E, A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

- N9 dán tại vị trí phần bìa sau 20 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 15/6/2024) được thu giữ của đối tượng Nguyễn Văn Á tại nhà số G N, phường A, quận S, TP ..

Theo Kết luận giám định số 1346/KL-KTHS ngày 21/8/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 46 tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí bìa sau của 46 cuốn sách mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A46) so với các tem của N9 mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) không cùng bản in tương ứng in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ có Quyết định trưng cầu giám định số 2800/QĐ-CSKT-Đ5 ngày 01/8/2024 trưng cầu Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định đối với: 05 (năm) tem có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 05 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 14/6/2024), được thu giữ của Lê Duy Q tại nhà số E, A, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; 11 (mười một) tem có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” dán tại vị

trí phần bìa sau 11 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 15/6/2024) được thu giữ của **Nguyễn Văn Á** tại nhà số **G N, phường A, quận S, TP .**; 04 (bốn) tem có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 04 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 16/6/2024) được thu giữ của **Nguyễn Trung L1** tại địa chỉ số **256/33/4 TX25, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; 07 (bảy) tem có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 07 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 16/6/2024) được thu giữ của **Nguyễn Trung L1** tại địa chỉ số **F H, phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh**; 09 (chín) tem có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 09 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 16/6/2024) được thu giữ của **Phạm Thạch Kim Đ** tại địa chỉ số **C đường số B, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**;

Theo Kết luận giám định số 1768/KL-KTHS ngày 20/8/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 36 tem có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” dán tại vị trí bìa sau của 36 cuốn sách mẫu cần giám định so với các tem của **Công ty TNHH E** mẫu so sánh không cùng bản in tương ứng in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** có Quyết định trưng cầu giám định số 2801/QĐ-CSKT-Đ5 ngày 01/8/2024 trưng cầu **P** Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định đối với: 43 (bốn mươi ba) tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 43 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 16/6/2024), 26 (hai mươi sáu) tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 26 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 16/6/2024), 18 (mười tám) tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 18 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 16/6/2024), được thu giữ của **Nguyễn Trung L1** tại địa chỉ số **256/33/4 TX25, T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; 63 (sáu mươi ba) tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 63 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 16/6/2024), được thu giữ của **Nguyễn Trung L1** tại địa chỉ số **F H, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**; 17 (mười bảy) tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 17 cuốn sách (được trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 16/6/2024), được thu giữ của **Phạm Thạch Kim Đ** tại địa chỉ số **C đường số B, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Theo Kết luận giám định số 1766/KL-KTHS ngày 20/8/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 167 tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí bìa sau của 167 cuốn sách mẫu cần giám định so với các tem của **N9** mẫu so sánh không cùng bản in tương ứng in ra.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ có Quyết định trưng cầu giám định số 3804/QĐ-CSKT-Đ5 ngày 28/10/2024 trưng cầu Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng giám định đối với: 03 (ba) tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau 03 cuốn sách (trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 22/10/2024) và 01 (một) tem có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” dán tại vị trí phần bìa sau cuốn sách Tiếng Anh I Learn S Start lớp 5 của Nhà xuất bản Đại học sư phạm thành phố H (trích mẫu theo biên bản thu mẫu giám định ngày 22/10/2024), được thu giữ của Phạm T6 tại địa chỉ số A đường B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Kết luận giám định số 2430/KL-KTHS ngày 19/11/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: 03 tem có nội dung “NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM” dán tại vị trí bìa sau của 03 cuốn sách mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A3 so với các tem của N9 mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M6 không cùng bản in tương ứng in ra; 01 tem có nội dung “DTP EDUCATION SOLUTIONS VIỆT NAM” dán tại vị trí bìa sau của cuốn sách mẫu cần giám định ký hiệu A4 so với các tem của Công ty TNHH E mẫu so sánh ký hiệu M7, M8 không cùng bản in tương ứng in ra.

- Các khoản tiền bị can, người thân của các bị can nộp để khắc phục hậu quả: Bà Lê Thị M - vợ bị can Nguyễn Trung L1, nộp 280.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thúy L2 - vợ bị can Phạm Ngọc Q1, nộp 100.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim T5 - vợ bị can Phạm Thạch Kim Điền, nộp 100.000.000 đồng. Bà Phan Thị Thanh L6 - vợ bị can Phạm Tin, nộp 100.000.000 đồng. Bị can Trần Huy C2 nộp 17.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Thanh N2 - vợ bị can Lê Duy Q, nộp 10.000.000 đồng. Ông Nguyễn Văn C6 - anh ruột bị can Nguyễn Văn Á, nộp 10.000.000 đồng. Bà Ngô Thị Thắng N7 - vợ bị can Nguyễn Văn T19, nộp 10.000.00 đồng. Bà Trần Thị M1 - vợ bị can Phan Xuân N, nộp 3.000.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2025/HS-ST ngày 13/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

I. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung L1 và Lê Hà T3 phạm tội “Sản xuất, buôn bán hàng giả”; các bị cáo Phạm Ngọc Q1, Phan Xuân N phạm tội “Sản xuất hàng giả”; các bị cáo Phạm Thạch Kim Đ, Phạm Đức H3, Phạm T6, Lê Duy Q, Lê Minh T7 phạm tội “Buôn bán hàng giả”.

II. Về điểm, khoản, Điều luật áp dụng và hình phạt đối với từng bị cáo:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Trung L1 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024;

2.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thạch Kim Đ 09 (C7) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024;

2.3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Hà T3** 08 (T26) năm 06 (S1) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

2.4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phạm Ngọc Q1** 07 (B2) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024;

2.5. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phan Xuân N** 07 (Bảy) năm 06 (S1) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

2.6. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Duy Q** 06 (S1) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/6/2024;

2.7. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phạm T6** 06 (S1) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/10/2024.

2.8. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Phạm Đức H3** 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

2.9. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 192; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo **Lê Minh T7** 03 (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt bổ sung đối với các bị cáo; quyết định về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khác; xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp; phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/5/2025, bị cáo **Lê Minh T7** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 20/5/2025, các bị cáo **Lê Hà T3**, **Phan Xuân N**, **Nguyễn Trung L1**, **Lê Duy Q** có đơn kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/5/2025, các bị cáo **Phạm Thạch Kim Đ**, **Phạm Ngọc Q1** có đơn kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/5/2025, các bị cáo **Phạm T6**, **Phạm Đức H3** kháng cáo cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo [Nguyễn Trung L1](#), [Phạm Ngọc Q1](#), [Phan Xuân N](#), [Lê Hà T3](#), [Phạm Thạch Kim Đ](#), [Phạm Đức H3](#), [Phạm T6](#), [Lê Duy Q](#), [Lê Minh T7](#) đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo [Nguyễn Trung L1](#), [Phạm Ngọc Q1](#), [Phan Xuân N](#), [Lê Hà T3](#), [Phạm Thạch Kim Đ](#), [Phạm Đức H3](#), [Phạm T6](#), [Lê Duy Q](#), [Lê Minh T7](#); sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt, giảm cho mỗi bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Những người bào chữa cho các bị cáo [Phạm Ngọc Q1](#), [Lê Duy Q](#) và [Lê Minh T7](#) đều thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới của các bị cáo cũng như xem xét tính chất vụ án, vai trò của mỗi bị cáo để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt; cho bị cáo [Lê Minh T7](#) được hưởng án treo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo [Nguyễn Trung L1](#), [Phạm Ngọc Q1](#), [Phan Xuân N](#), [Lê Hà T3](#), [Phạm Thạch Kim Đ](#), [Phạm Đức H3](#), [Phạm T6](#), [Lê Duy Q](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo [Lê Minh T7](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, Luật sư [Phạm T8](#) bào chữa cho các bị cáo [Nguyễn Trung L1](#), [Lê Hà T3](#), Luật sư [Phạm Thị Minh V2](#) bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Trung L1](#) vắng mặt. Các bị cáo [Nguyễn Trung L1](#), [Lê Hà T3](#) đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các Luật sư. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người bào chữa.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo, quan điểm đề nghị của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[2.1]. Về tội danh:

[Nguyễn Trung L1](#) là Giám đốc công ty I1 chuyên kinh doanh gia công giấy, lịch, sách; [Phạm Ngọc Q1](#) là Giám đốc công ty TNHH MTV D2; [Trần Huy C2](#) là Giám đốc công ty TNHH S2, nhưng thực tế công ty này do [Phạm Ngọc Q1](#) sở hữu, chỉ đạo, điều hành. Do Công ty của [Nguyễn Trung L1](#) làm ăn thua lỗ, đồng thời Luật nhận thấy [Phạm Ngọc Q1](#) có sẵn dây chuyền in offset và khả năng sinh lợi cao từ các loại sách giáo khoa của N9, Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố H nên Luật đã cấu kết, bàn bạc với Q1 in sách giáo khoa giả của 02 Nhà xuất bản này để bán kiếm lời. Theo đó, [Nguyễn Trung L1](#) mua sắm các loại máy móc

như máy cắt giấy, máy xếp giấy, máy dán keo, máy may chỉ, máy đóng kim, xe nâng; thuê nhà xưởng; thuê kho; dựng kho tạm để làm cơ sở gia công sách giả và cất giấu sách giả thành phẩm. Phạm Ngọc Q1 thuê một số công nhân để vận hành nhà xưởng; trong đó, thuê và giao cho Phan Xuân N quản lý, điều hành toàn bộ tại xưởng in; thuê và giao cho Trần Huy C2 làm bản kẽm để in sách giả bán thành phẩm theo mẫu sách, số lượng mà Luật yêu cầu. Khi nhận được các bản in bán thành phẩm, Luật thuê Lê Hà T3 vận chuyển các bản in này về xưởng để gia công cắt trang, làm gáy, đóng sách, dán tem chống giả (tem giả) rồi T3 vận chuyển sách giả thành phẩm cất giấu tại các kho xưởng để quản lý, xuất hàng, giao hàng cho khách khi Luật yêu cầu. Trước khi tiêu thụ, Luật liên hệ đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch và nhờ N giới thiệu để mua tem chống giả (giả tem chống giả do N9 và công ty TNHH E2 sản xuất) để dán vào sách giả thành phẩm.

Để tiêu thụ sách giả, Nguyễn Trung L1 liên hệ với Phạm Thạch Kim Đ, thỏa thuận thống nhất bán cho Đ với mức chiết khấu 65% đến 69% so với giá bìa, Đ bán lại cho khách với mức chiết khấu 62% đến 65% so với giá bìa, hưởng lợi từ 3% - 4% trên mỗi cuốn sách giả; thỏa thuận bán cho Phạm T6 với giá chiết khấu từ 60% - 65% so với giá bìa; Tin bán lẻ lại cho khách với mức chiết khấu từ 50% - 55% so với giá bìa, hưởng lợi khoảng 10% trên mỗi cuốn sách giả. Theo đó, Phạm Thạch Kim Đ thuê và giao cho Phạm Đức H3 quản lý việc đặt hàng, nhận hàng, phân phối, tiêu thụ sách giả; H3 sẽ liên hệ với Lê Hà T3 để đặt và nhận hàng khi Đ có yêu cầu. Để chào bán sách giả, Đ tự đăng thông tin trên mạng internet hoặc liên hệ với Lê Duy Q để bán với giá chiết khấu từ 58% - 62% so với giá bìa và Nguyễn Văn Á để bán với giá chiết khấu từ 60% - 62% so với giá bìa. Ngoài ra, Lê Duy Q còn mua sách giả từ Trần Ngọc Tấn rồi bán lại cho các nhà sách, cửa hàng văn phòng phẩm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, tỉnh Kon Tum để hưởng lợi khoảng 10% trên mỗi cuốn sách. Đồng thời, Q còn thuê em ruột mình là Lê Minh T7 thực hiện việc kiểm đếm, nhận và mang sách giả đi bán.

Quá trình điều tra xác định: từ tháng 01/2024 đến tháng 06/2024, Nguyễn Trung L1, Phạm Ngọc Q1, Phan Xuân N, Trần Huy C2 đã cấu kết cùng nhau tổ chức sản xuất 1.648.737 cuốn sách giáo khoa giả thành phẩm và 347.220 bản in bán thành phẩm của N9 và Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố H, tổng giá trị theo giá in trên bìa là 51.186.241.500 đồng. Trong đó, Nguyễn Trung L1 và Lê Hà T3 đã bán cho Phạm Thạch Kim Đ 251 đơn hàng tổng cộng 1.176.744 cuốn sách giáo khoa giả có tổng giá trị in trên bìa là 37.683.987.000 đồng; bán cho Phạm T6 17 đơn hàng tổng cộng 86.274 cuốn sách giáo khoa giả có tổng giá trị in trên bìa là 3.059.573.000 đồng; còn lại 385.719 cuốn sách giáo khoa giả thành phẩm và 347.220 bản in bán thành phẩm chưa gia công hoàn thiện, chưa kịp tiêu thụ thì bị phát hiện, thu giữ. Phạm Thạch Kim Đ bán cho Lê Duy Q 09 đơn hàng, tổng cộng 19.804 cuốn sách giáo khoa giả có tổng giá trị in trên bìa là 632.190.000 đồng; bán cho Nguyễn Văn Á 06 đơn hàng tổng cộng 4.795 cuốn sách giáo khoa giả có tổng giá trị in trên bìa là 302.545.000 đồng.

Với hành vi và hậu quả nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Nguyễn Trung L1, Lê Hà T3 “Sản xuất, buôn bán hàng giả”; các bị cáo Phạm Ngọc Q1, Phan Xuân N “Sản xuất hàng giả”; các bị cáo Phạm Thạch Kim Đ,

Phạm Đức H3, Phạm T6, Lê Duy Q, Lê Minh T7 “Buôn bán hàng giả” với tình tiết định khung “Hàng giả tương đương với số lượng của hàng thật hoặc hàng hóa có cùng tính năng kỹ thuật, công dụng trị giá 500.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo đều đủ năng lực để nhận thức được sách giáo khoa là loại hàng hóa ấn phẩm đặc biệt, chỉ những đơn vị, tổ chức được cấp phép mới có quyền in ấn, xuất bản theo quy trình chặt chẽ do Nhà nước quy định; nhưng vì mục đích vụ lợi, các bị cáo vẫn bất chấp thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến hoạt động quản lý thị trường của Nhà nước đối với việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán, in ấn chế bản sản phẩm sách giáo khoa; gây thất thu cho Ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động đúng đắn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các nhà xuất bản, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội trên cơ sở xem xét, phân hóa vai trò đồng phạm của mỗi bị cáo để cụ thể hóa mức hình phạt cho phù hợp.

- Các bị cáo trong nhóm thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả:

[2.2.1]. Đối với bị cáo **Nguyễn Trung L1**: bị cáo là người cầm đầu, khởi xướng việc phạm tội; chủ động liên hệ với **Phạm Ngọc Q1** để bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất đặt **công ty D2** (công ty của **Q1**) in sách giáo khoa giả để Luật bán ra thị trường. Chính bị cáo là người chuẩn bị các điều kiện cần thiết nhằm phục vụ cho quy trình sản xuất, buôn bán sách giả như: mua sắm máy móc, dựng kho bãi, thuê nhà xưởng, thuê kho cất giữ thành phẩm; cấu kết với **Lê Hà T3** thuê nhân công để gia công hoàn thiện sách giả; trực tiếp liên hệ mua tem chống giả (loại tem giả) và bán sách giả cho **Phạm Thạch Kim Đ**, **Phạm T6** với tổng giá trị theo giá bìa là hơn 51 tỷ đồng (làm tròn), thu lợi bất chính 280.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo có vai trò chính trong vụ án và chịu mức hình phạt cao nhất là có cơ sở.

[2.2.2]. Đối với bị cáo **Lê Hà T3**: bị cáo là người được **Nguyễn Trung L1** thuê và trả lương 9.000.000 đồng/tháng. Theo đó, **T3** vận chuyển các bản in bán thành phẩm để gia công cắt trang, làm gáy, đóng sách, dán tem chống giả giả; vận chuyển sách giả thành phẩm về các kho xưởng để cất giấu; quản lý kho, giao - nhận hàng và tiền từ khách hàng, ghi chép sổ sách; thu lợi bất chính từ lương Luật trả là 45.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo có vai trò giúp sức tích cực cho **Nguyễn Trung L1** như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[2.2.3]. Đối với bị cáo **Phạm Ngọc Q1**: khi được **Nguyễn Trung L1** liên hệ, bàn bạc việc in ấn sách giả thì **Q1** liên đồng ý. Mặc dù **Q1** không tham gia vào hoạt động buôn bán nhưng **Q1** có sự thỏa thuận, bàn bạc, phân công rõ ràng với Luật trong khâu sản xuất, in ấn sách giả. Theo đó, **Q1** chịu chi phí mực in, máy móc, nhân công; **Q1** thuê và giao **Phan Xuân N** quản lý, vận hành máy móc tại xưởng in, thuê và giao **Trần Huy C2** làm bản kẽm để in sách giả. Luật trả cho **Q1** 270.000 đồng/ram giấy in 04 màu khổ 60cm x 84cm, 160.000 đồng/ram giấy in

02 màu khổ 60cm x 84cm. Bị cáo thu lợi bất chính 100.000.000 đồng (sau khi trừ chi phí nhân công, khấu hao máy móc). Vì vậy, **Phạm Ngọc Q1** phải chịu trách nhiệm hình sự cùng **Nguyễn Trung L1** với hành vi sản xuất 1.648.737 cuốn sách giáo khoa giả thành phẩm và 347.220 bản in bán thành phẩm, tổng giá trị theo giá bìa là hơn 51 tỷ đồng (làm tròn).

[2.2.4]. Đối với bị cáo **Phan Xuân N**: bị cáo là người được **Phạm Ngọc Q1** thuê và trả lương 15.000.000 đồng/tháng. Bị cáo có trách nhiệm chỉ đạo nhân công, quản lý, vận hành các xưởng in của **Q1** để in sách giả bán thành phẩm giao cho Luật; quá trình làm việc, bị cáo lập sổ ghi chép, theo dõi số lượng bản in để **Q1** đối chiếu công nợ. Ngoài ra, **N** còn giúp Luật mua tem chống giả (tem giả) để dán vào sách thành phẩm trước khi tiêu thụ. Tổng số tiền bị cáo hưởng lợi từ lương và giúp Luật mua tem là 78.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá bị cáo có vai trò đồng phạm thực hành, giúp sức tích cực cho **Phạm Ngọc Q1** để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có cơ sở.

- Các bị cáo trong nhóm thực hiện hành vi buôn bán hàng giả:

[2.2.5]. Đối với bị cáo **Phạm Thạch Kim Đ**: bị cáo là đầu mối buôn bán sách giả lớn nhất với **Nguyễn Trung L1**, tổng cộng 251 đơn hàng gồm 1.176.744 cuốn sách giả, tổng giá trị tính theo giá in trên bìa là gần 40 tỷ (làm tròn). Bị cáo còn thuê **Phạm Đức H3** và **Nguyễn Văn T19** giúp sức cho mình trong quá trình buôn bán, vận chuyển, tiêu thụ sách giả. Do đó, bị cáo phải chịu mức hình phạt cao nhất trong nhóm các bị cáo thực hiện hành vi buôn bán hàng giả và thấp hơn so với **Nguyễn Trung L1**.

[2.2.6]. Đối với bị cáo **Lê Duy Q**: khi được **Phạm Thạch Kim Đ** chào bán sách giáo khoa giả với giá chiết khấu từ 58% - 62%, **Q** đặt mua 19.804 cuốn, tổng giá trị in trên bìa là 632.190.000 đồng, thu lợi bất chính 10.000.000 đồng. Bị cáo còn đặt mua của **Trần Ngọc T13** 416 cuốn sách giả với giá chiết khấu 45.000 đồng/bộ, tổng giá trị in trên bao bìa là 31.002.000 đồng và thuê **Lê Minh T7** thực hiện việc kiểm đếm, nhận sách giả, vận chuyển mang đi bán. Như vậy, bị cáo là đầu mối mua sách giả của bị cáo **Đ**, mua sách giả của bị cáo **Tân R** bán lại cho người khác để hưởng chênh lệch nên bị cáo đồng phạm với **Đ** về hành vi mua bán hàng giả với vai trò là người thực hành.

[2.2.7]. Đối với bị cáo **Phạm T6**: khi được **Nguyễn Trung L1** trao đổi về việc Luật bán sách giáo khoa giả với giá chiết khấu 60% - 65% so với giá bìa thì Tin đã mua của Luật tổng cộng 86.274 cuốn sách giả; quá trình đó, **T6** còn nhờ **Huỳnh Văn D1** và **Phan Thị Thanh L6** (vợ của bị cáo) nhận sách do **Lê Hà T3** giao đến. Bị cáo thu lợi bất chính 100.000.000 đồng; bị cáo là đầu mối mua sách giả với **Nguyễn Trung L1**, **Lê Hà T3** rồi bán lại nhằm kiếm lời nên bị cáo chịu trách nhiệm hình sự với vai trò người thực hành, đồng phạm với Luật về hành vi buôn bán hàng giả có tổng giá trị tính theo giá bìa là 3.059.573.000 đồng.

[2.2.8]. Đối với bị cáo **Phạm Đức H3**: mặc dù biết **Phạm Thạch Kim Đ** buôn bán sách giả nhưng **H3** vẫn giúp Điền đặt, nhận hàng, phân phối, tiêu thụ sách giả, giao hàng cho **Nguyễn Văn T19** vận chuyển gửi đi tiêu thụ và được **Đ** trả công 8.000.000 đồng/tháng. Bị cáo thu lợi bất chính từ tiền công Điền trả là

40.000.000 đồng. Do đó, bị cáo chịu mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác có cùng hành vi mua bán hàng giả với vai trò giúp sức thứ yếu cho bị cáo Đ.

[2.2.9]. Đối với bị cáo Lê Minh T7: bị cáo là người giúp cho anh trai mình là Lê Duy Q trong việc nhận, kiểm đếm, vận chuyển sách giả đi tiêu thụ tại các nhà sách, cửa hàng văn phòng phẩm và được trả công 7.000.000 đồng/tháng. Bị cáo thu lợi bất chính từ tiền lương do Q trả là 35.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo chịu mức án thấp nhất trong nhóm các bị cáo có hành vi buôn bán hàng giả với vai trò giúp sức thứ yếu cho Lê Duy Q.

[2.3]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng:

[2.3.1]. Trong vụ án này, giữa các bị cáo Nguyễn Trung L1 với Phạm Ngọc Q1; Phạm Ngọc Q1 với Phan Xuân N và Trần Huy C2; giữa Nguyễn Trung L1 với Lê Hà T3; Phạm Thạch Kim Đ với Phạm Đức H3 đều có sự bàn bạc, thống nhất, phân công vai trò nhiệm vụ trong việc sản xuất, buôn bán hàng giả nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội có tổ chức*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2024 đến tháng 6/2024, các bị cáo Nguyễn Trung L1, Phạm Ngọc Q1, Phan Xuân N, Lê Hà T3, Phạm Thạch Kim Đ, Phạm Đức H3, Phạm T6, Lê Duy Q, Lê Minh T7 nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.3.2]. Sau khi phạm tội, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện hoặc tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính; chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt và đều là lần đầu phạm tội; có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Quá trình điều tra, Nguyễn Trung L1 và Phạm Ngọc Q1 đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc khai báo, cung cấp các tài liệu chứng cứ nhằm nhanh chóng xác định đồng phạm, làm sáng tỏ vụ án; phối hợp với cơ quan điều tra trong quản lý, bảo quản tang vật vụ án (thuê kho bãi để chứa tang vật vụ án từ khi vụ án bị phát hiện cho đến nay). Phan Xuân N có bố là bệnh binh. Phạm Đức H3 có cha ruột là ông Phạm Văn K1 có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đầy đủ cho mỗi bị cáo khi lượng hình.

Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét đúng và đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá, phân hóa vai trò tham gia cũng như nhân thân của từng bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố, xét xử nhưng trong khung hình phạt liền kề đối với các bị cáo Phạm T6, Lê Duy Q; áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị truy tố, xét xử nhưng không bắt buộc trong khung hình phạt liền kề đối với các bị cáo Phạm Đức H3, Lê Minh T7 là có cơ sở. Mức án 12 năm tù đối với Nguyễn Trung L1, 08 năm 06 tháng tù đối với Lê Hà T3 cùng về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả*”;

07 năm 06 tháng tù đối với **Phan Xuân N**, 07 năm tù đối với **Phạm Ngọc Q1** cùng về tội “*Sản xuất hàng giả*”; 09 năm tù đối với **Phạm Thạch Kim Đ**, 06 năm tù đối với **Phạm T6** và **Lê Duy Q**, 04 năm 06 tháng tù đối với **Phạm Đức H3** và 03 năm tù đối với **Lê Minh T7** cùng về tội “*Buôn bán hàng giả*” là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện sự phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án, đảm bảo công tác giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2.3.3]. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo **Nguyễn Trung L1**, **Lê Hà T3**, **Phạm Thạch Kim Đ**, **Phạm Đức H3**, **Phạm Ngọc Q1**, **Phan Xuân N**, **Phạm T6**, **Lê Duy Q**, **Lê Minh T7** cung cấp các tài liệu chứng cứ mới; cụ thể như sau:

- **Nguyễn Trung L1** cung cấp tài liệu thể hiện ông **Trần T27** - chú ruột vợ bị cáo là **Liệt sỹ**; Biên lai thu tiền với tổng số tiền bị cáo nộp là 330.200.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng phạt bổ sung, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 280.000.000 đồng thu lợi bất chính. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra, bà **Lê Thị M** (vợ bị cáo **L1**) đã nộp số tiền 280.000.000 đồng và Tòa sơ thẩm đã quy trừ số tiền này để đảm bảo việc truy thu nên số tiền 280.000.000 đồng trong tổng số tiền 330.200.000 đồng (do Luật sư **Phạm Tích N8** thay bị cáo **Nguyễn Trung L1**) tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng vào ngày 12/6/2025, bà **M** sẽ được nhận lại trong quá trình thi hành bản án;

- **Lê Hà T3** cung cấp biên lai thu tổng số tiền 45.200.000 đồng, trong đó có 45.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông **Lê Văn T28** là ông nội bị cáo là người có công với cách mạng;

- **Phạm Thạch Kim Đ** cung cấp biên lai thu tổng số tiền 50.200.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng tiền phạt bổ sung, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, vợ của bị cáo bị ung thư tuyến giáp, đang nuôi con nhỏ sinh năm 2020, mẹ của bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư vú, ung thư trực tràng); bị cáo có ông ngoại vợ là ông **Lê Văn T29** người có công cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, có mẹ vợ là bà **Lê Thị P2** tham gia dân quân tự vệ. Ngày 23/7/2025, gia đình bị cáo đã nộp thêm khoản tiền 1.000.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước theo quyết định của Bản án sơ thẩm;

- **P6** thu tổng số tiền 35.200.000 đồng, trong đó có 35.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị trầm cảm, cha mẹ già ốm đau, bệnh tật;

- **Phạm Ngọc Q1** cung cấp biên lai thu tổng số tiền 50.200.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng tiền phạt bổ sung, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; có mẹ ruột là bà **Nguyễn Thị K** có nhiều thành tích trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất; có cha ruột là ông **Phạm Ngọc T1** là thương binh hạng 4/4;

- **Phan Xuân N** cung cấp biên lai thu tổng số tiền 75.200.000 đồng, trong đó có 75.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; ông **Lê Trọng C8**, cậu ruột bị cáo là Liệt sỹ;

- **Phạm T6** cung cấp biên lai thu tổng số tiền 30.200.000 đồng, trong đó có 30.000.000 đồng tiền phạt bổ sung, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

- Hai anh em bị cáo **Lê Minh T7**, **Lê Duy Q** cung cấp tài liệu thể hiện bà nội các bị cáo là người có công với cách mạng; cha ruột các bị cáo là ông **Lê Đức V1** có nhiều đóng góp cho thành phố Đà Nẵng; các bị cáo hiện chăm sóc mẹ ruột là bà **Trần Thị T30** thường xuyên đau ốm; bị cáo **T7** nộp khoản tiền thu lợi bất chính 33.000.000 đồng.

Tài liệu các bị cáo cung cấp thể hiện thái độ ăn năn hối cải của các bị cáo, ý thức tôn trọng và chấp hành phán quyết của Tòa án. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo; đồng thời áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo **Phạm Ngọc Q1**, **Phan Xuân N**, để chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm cho mỗi bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa cho các bị cáo **Phạm Ngọc Q1**, **Lê Minh T7**, **Lê Duy Q** tại phiên tòa. Các khoản tiền các bị cáo nộp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được khấu trừ trong quá trình thi hành án.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo **Nguyễn Trung L1**, **Phạm Ngọc Q1**, **Phan Xuân N**, **Lê Hà T3**, **Phạm Thạch Kim Đ**, **Phạm Đức H3**, **Phạm T6**, **Lê Duy Q**, **Lê Minh T7** không phải chịu.

[4]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo **Nguyễn Trung L1**, **Phạm Ngọc Q1**, **Phan Xuân N**, **Lê Hà T3**, **Phạm Thạch Kim Đ**, **Phạm Đức H3**, **Phạm T6**, **Lê Duy Q**, **Lê Minh T7**. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2025/HS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với các bị cáo.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Trung L1** 10 (mười) năm tù về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Phạm Thạch Kim Đ** 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

1.3. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Lê Hà T3** 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Sản xuất, buôn bán hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

1.4. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Phạm Ngọc Q1** 06 (sáu) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Sản xuất hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

1.5. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Phan Xuân N** 06 (sáu) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Sản xuất hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

1.6. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Lê Duy Q** 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 14/6/2024.

1.7. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Phạm T6** 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 21/10/2024.

1.8. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Phạm Đức H3** 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/6/2024.

1.9. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 192; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Lê Minh T7** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Buôn bán hàng giả*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo **Nguyễn Trung L1, Phạm Ngọc Q1, Phan Xuân N, Lê Hà T3, Phạm Thạch Kim Đ, Phạm Đức H3, Phạm T6, Lê Duy Q, Lê Minh T7** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam, theo địa chỉ);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA; P.HCTP; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên